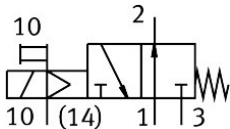
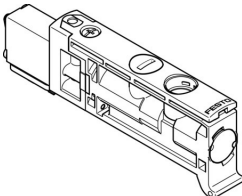


# Van điện từ VUVB-ŠT12-M32U-MZD-QX-1T1

Số bộ phận: 576003

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                |
|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 3/2 mở đơn ổn định                                                     |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                                   |
| Kích thước van                                             | 12 mm                                                                  |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 240 l/ph...400 l/ph                                                    |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | QS-4<br>QS-6                                                           |
| Áp suất vận hành                                           | 0.28 MPA...0.8 MPA<br>2.8 bar...8 bar                                  |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Van đĩa với lò xo hồi                                                  |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65                                                                   |
| Chiều rộng định mức                                        | 4 mm                                                                   |
| Chức năng khí xả                                           | không thể điều tiết                                                    |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                                    |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                                                 |
| Nút ghi đè                                                 | khớp<br>quét                                                           |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                                       |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | bên ngoài                                                              |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                                    |
| Lưu ý về áp suất vận hành                                  | 0 - 0,8 bar ở khí điều khiển ngoài<br>0 - 8 bar ở khí điều khiển ngoài |
| Áp suất điều khiển                                         | 0.28 MPA...0.8 MPA<br>2.8 bar...8 bar                                  |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 14 ms                                                                  |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 6 ms                                                                   |
| Thời gian bật                                              | 100%                                                                   |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0           | 800 μs                                                                 |
| Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu                   | 300 μs                                                                 |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 24 V DC: 1,0 W                                                         |
| Dao động điện áp cho phép                                  | +/- 10 %                                                               |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                   |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)          |

| Đặc tính                            | Giá trị                                                                              |
|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Khả năng chống rung                 | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| chống sốc                           | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                | 0 - không ứng suất ăn mòn                                                            |
| Tuân thủ LABS                       | VDMA24364-B1/B2-L                                                                    |
| Nhiệt độ trung bình                 | -5 °C...60 °C                                                                        |
| Mức áp suất âm thanh                | 85 dB(A)                                                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh      | -5 °C...60 °C                                                                        |
| trọng lượng sản phẩm                | 28.1 g                                                                               |
| Cổng nối điện                       | qua tấm kết nối                                                                      |
| Kiểu gắn                            | trên tấm kết nối                                                                     |
| Kết nối không khí điều khiển phụ 14 | Tấm kết nối                                                                          |
| Cổng nối khí nén 1                  | Tấm kết nối                                                                          |
| Cổng nối khí nén 3                  | Tấm kết nối                                                                          |
| Cổng nối khí nén 5                  | Tấm kết nối                                                                          |
| Ghi chú vật liệu                    | Tuân thủ RoHS                                                                        |
| Vật liệu của phốt                   | NBR<br>TPE-U (PU)                                                                    |
| Vật liệu vỏ                         | PA gia cố                                                                            |
| Vật liệu con trượt pít tông         | Hợp kim nhôm rèn                                                                     |